

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: State Securities Commission of Vietnam
Ho Chi Minh city Stock Exchange

1 Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Management Fund Company name: FPT Fund Management Joint Stock Company
2 Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Supervising bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3 Tên Quỹ: Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Fund name: FPT Capital VNX50 ETF
4 Mã chứng khoán: FUEFCV50
Securities symbol: FUEFCV50
5 Kỳ báo cáo: Tuần từ 7/2/2024 đến 13/2/2024
(Reporting period): (period: from Feb 7th 2024 to Feb 13rd 2024)
6 Ngày lập báo cáo: 15-02-24
(Reporting date): 15-Feb-24

Đơn vị tính: VND

STT NO	CHI TIẾT CRITERIA	KY BAO CAO THIS PERIOD 13-02-24	KY BAO CAO THIS PERIOD 06-02-24
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ per Fund	65,556,038,466	64,617,605,903
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ per lot of Fund Certificate	1,150,105,938	1,133,642,208
1.3	của một chứng chỉ quỹ per Fund Certificate	11,501.05	11,336.42
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ per Fund	66,085,637,605	65,556,038,466
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ per lot of Fund Certificate	1,159,397,150	1,150,105,938
2.3	của một chứng chỉ quỹ per Fund Certificate	11,593.97	11,501.05
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	529,599,139	938,432,563
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	529,599,139	938,432,563
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-	0
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	92.92	164.63
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND) Highest Value (VND)	71,423,427,073	71,423,427,073
5.2	Giá trị thấp nhất (VND) Lowest Value (VND)	56,861,176,500	56,861,176,500
6	Tỷ lệ số hữu nước ngoài		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ	-	-
6.2	Tổng giá trị	-	-
6.3	Tỷ lệ số hữu	-	-
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	12,600	12,600
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	12,100	12,600
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	-500	0
4	Chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND) Absolute difference (VND)	506.03	1,098.95
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) hoặc dư (+)) Relative difference (discount(-) premium(+))	4.36%	9.56%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND) Highest Value (VND)	16,930	16,930
	Giá trị thấp nhất (VND) Lowest Value (VND)	10,820	10,820

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisor Bank



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Dương Thanh Dũng
Phó Giám đốc phòng GD&D V Chứng Khoán

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Nguyễn Thị Thu Hương
Can bộ kiểm soát nội bộ